

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.
2. Ông Lâm Văn Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Minh T, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 và trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2014, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN. Hôn nhân do quen biết trước gần được 01 năm. Sau khi cưới chị và anh T cùng sinh sống với gia đình anh T được 02 năm thì vợ chồng đi làm tại tỉnh Long An, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn

hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh T không lo làm, thường xuyên ăn chơi như đá gà, sử dụng ma túy, anh T từng bị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc 01 năm và được về nhà sau 30/4/2020 cho đến nay. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Từ năm 2018 chị và anh T đang làm thì anh T bỏ về quê và vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay. Chị và anh T không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng anh T có đến nhà chị, gặp cha ruột chị để năn nỉ, anh T hứa sửa đổi, không ăn chơi nữa nhưng anh T không giữ lời. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Minh T.

Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống với nhau có 01 con chung, là con gái tên Đặng Thị Kim N, sinh ngày 07/7/2015. Hiện con chung đang sinh sống cùng anh T và ông bà nội từ năm 2017 cho đến nay. Con chung Kim N ở cùng ông bà nội và anh T là do năm 2017 chị và anh T đi làm ở Long An nên để con chung Kim N ở nhà đi học. Đồng thời, cha mẹ chồng chị có cháu nội duy nhất là Kim N, anh T không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi nên con chung Kim N là niềm an ủi của ông bà nội nên chị không nỡ đem con theo chị. Hiện chị đang làm công nhân của Công ty may, lương mỗi tháng được 6.000.000đ, chị không xác định mỗi tháng chị dư được bao nhiêu tiền nhưng hàng tháng chị đều gửi tiền về cho anh T, có khi gửi cho mẹ chồng 1.000.000đ để nuôi con, chị và gia đình chị thường xuyên thăm non và rước con chung Kim N về nhà chơi. Chị không biết hiện anh T làm công việc gì nhưng nghe người khác nói là anh T đi “canh chuồng gà”, mỗi ngày được 200.000đ. Anh T và cha mẹ chồng chị chăm sóc con chung Kim N rất tốt. Nếu được nuôi dưỡng con chung thì chị đem con chung cùng lên tỉnh Long An sinh sống, chị và mẹ chị ở chung nhà trọ nên mẹ chị sẽ phụ chị chăm sóc con chung, mẹ chị sẽ xin nghỉ việc để phụ chị chăm sóc con chung hoặc chị gửi con chung ở quê cho cha ruột chị chăm sóc nên yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Kim N và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T chung sống với nhau không có thiếu nợ cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Đặng Minh T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 15/7/2020 anh T, trình bày: Anh và chị T cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Hôn nhân do tự tìm hiểu trước. Sau khi cưới anh và chị T sinh sống cùng gia đình anh được 02 năm. Khi con chung Kim N được 01 tuổi thì vợ chồng

lên Long An làm. Từ khi đến Long An làm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh đi làm nhưng công việc không hợp nên thường xuyên nghỉ. Anh bán gà đá nên lâu lâu có đá gà. Trước đây, anh có từng sử dụng ma túy nhưng đã cai nghiện và không còn sử dụng ma túy nữa. Vợ chồng anh không sống chung khoảng 02 năm nay. Từ lúc không còn sống chung thì anh có đến nhà vợ để năn nỉ chị T nhưng mẹ vợ không cho anh gặp chị T nên vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Hai bên cha mẹ cũng gặp nhau để nói chuyện nhưng mẹ vợ nói chị T không muốn sống với anh nữa. Anh không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn, vì bận công việc. Anh không thống nhất ly hôn với chị T nhưng chị T yêu cầu ly hôn thì tùy Tòa án giải quyết theo quy định, vì anh biết anh có lỗi với chị T. Về con chung Đặng Thị Kim N, sinh ngày 07/7/2015 từ khi con chung Kim N được 11-12 tháng tuổi thì ở nhà với bà nội, vợ chồng anh đi làm lâu lâu gửi tiền cho mẹ anh nuôi con, cho đến khi anh và chị T không còn sống chung từ năm 2018 thì con chung Kim N sống với anh, chị T không có gửi tiền cho anh để nuôi con nhưng không biết có gửi tiền cho mẹ anh hay không. Hiện anh đang nuôi gà để bán và chở cá thuê mỗi ngày thu nhập 200.000đ - 300.000đ còn chị T lúc trước khi vợ chồng còn sống chung thì làm công nhân lương mỗi tháng 6.000.000đ - 7.000.000đ còn hiện tại thì anh không rõ. Gia đình anh có cháu là Kim N nên mẹ anh có thể phụ anh chăm sóc con, còn mẹ vợ anh thì hiện cũng đi làm ở Long An với chị T, ở nhà chỉ có cha vợ. Nếu chị T được nuôi con và đem con chung Kim N ra Long An thì cũng gửi nhà trẻ, vì chị T và mẹ ruột đều đi làm. Anh yêu cầu nuôi dưỡng con chung Kim N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đặng Minh T. Về nuôi con chung: Giao con chung Đặng Thị Kim N, sinh ngày 07/7/2015 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Đặng Minh T. Hiện anh T đang cư trú tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đặng Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Đặng Minh T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 45/2016 ngày 23/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh DT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị T, anh T đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Anh T cũng thừa nhận anh là người có lỗi, khi vợ chồng còn sống chung và đi làm ở tỉnh Long An thì đã xảy ra mâu thuẫn, vì công việc không phù hợp nên anh T thường xuyên nghỉ, cũng từng sử dụng ma túy, nhiều lần anh T muốn gắn tình cảm vợ chồng với chị T nhưng không được. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị T, anh T đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn còn anh T không đồng ý ly hôn nhưng lại không chịu đến Tòa án hòa giải đoàn tụ với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị T, anh T đã không sống chung với nhau từ năm 2018 cho đến nay cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đặng Minh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy về điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng thì chị Bùi Thị T và anh Đặng Minh T đều có khả năng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên con chung Đặng Thị Kim N, sinh ngày 07/7/2015 đã sinh sống ổn định cùng anh T và gia đình anh T được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, chị T cũng thừa nhận anh T và gia đình anh T chăm sóc con chung rất tốt và nếu chị được giao con chung thì chị cũng đem con chung Kim N lên tỉnh Long An gửi nhà trẻ và mẹ ruột chị sẽ xin nghỉ việc để phụ chị chăm sóc con chung hoặc để cho cha ruột chị ở quê nuôi dưỡng. Do đó. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Kim N cho anh T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Bùi Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003025 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T. Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đặng Minh T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đặng Thị Kim N, sinh ngày 07/7/2015 của chị Bùi Thị T.

2.2 Giao con chung Đặng Thị Kim N, sinh ngày 07/7/2015 cho anh Đặng Minh T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0003025 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung